

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13/8/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946.

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1969.

2/ Ông Phạm Văn U, sinh năm 1967.

Người đại diện hợp pháp của ông U là bà Lê Thị T là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Lê Thị T và ông Phạm Văn U có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền hui vốn là 79.950.000đ (*Bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày hòa giải thành (ngày 13/8/2020) nếu bà Lê Thị T và ông Phạm Văn U chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp số tiền 999.375đ (*Chín trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) nhưng bà N có đơn xin miễn án phí do bà thuộc diện người cao tuổi theo quy định

tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ.

Bị đơn bà Lê Thị T và ông Phạm Văn U có nghĩa vụ nộp số tiền 999.375đ (*Chín trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) nhưng bà T có đơn xin miễn án phí do bà thuộc diện thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà T được miễn phần bà T có nghĩa vụ nộp. Còn lại 499.687đ (*Bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng*) ông U có nghĩa vụ nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga